

I Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1. Khái lược về triết học

a. Khái niệm triết học

- Triết học ra đời ở cả phương Đông và phương Tây gần như cùng một thời gian (khoảng từ thế kỷ VIII đến thế kỷ VI trước Công nguyên) tại một số trung tâm văn minh cổ đại của nhân loại như Trung Quốc, Ấn Độ, Hy Lạp. Có nhiều nhận định về triết học nhưng thường bao hàm các nội dung sau:
 - Triết học là một hình thái ý thức xã hội
 - Khách thể khám phá của triết học là thế giới (gồm cả thế giới bên trong bên ngoài con người) trong hệ thống chỉnh thể toàn vẹn vốn có của nó
 - Triết học giải thích tất cả mọi sự vật, hiện tượng, quá trình và quan hệ của thế giới, với mục đích tìm ra những quy luật phổ biến nhất chi phối, quy định và quyết định sự vận động của thế giới, của con người và của tư duy
 - Với tính cách là loại hình nhận thức đặc thù, độc lập với khoa học và khác biệt với tôn giáo, tri thức triết học mang tính hệ thống, lôgic và trừu tượng về thế giới, bao gồm những nguyên tắc cơ bản, những đặc trưng bản chất và những quan điểm nền tảng về mọi tồn tại
 - Triết học là hạt nhân của thế giới quan
 - Khái quát: Triết học là hình thái đặc biệt của ý thức xã hội, được thể hiện thành hệ thống các quan điểm lý luận chung nhất của thế giới, về con người và về tư duy của con người trong thế giới đó, là khoa học về những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy

b. Nguồn gốc của triết học

Nguồn gốc nhân thức

- Triết học chỉ xuất hiện khi kho tàng tri thức của loài người đã hình thành được một vốn hiểu biết nhất định và trên cơ sở đó, tư duy con người cũng đã đạt đến trình độ có khả năng rút ra được cái chung trong muôn vàn những sự kiện. hiện tượng riêng lẻ
- Sự phát triển của tư duy trừu tượng và năng lực khái quát trong nhận thức sẽ đến lúc làm cho quan điểm, quan niệm chung nhất về thế giới và vai trò của con người trong thế giới đó được hình thành

Nguồn gốc xã hội:

- Triết học ra đời khi nền sản xuất xã đã có sự phân công lao động và loài người đã xuất hiện giai cấp, tức là khi chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã, chế độ chiếm hữu nô lệ

đã hình thành, phương thức sản xuất dựa trên sở hữu tư nhân về

c. Vấn đề của đối tượng của triết học trong lịch sử

- Khi mới ra đời, triết học đã được xem là hình thái cao nhất của tri thức, bao hàm trong nó tri thức của tất cả các lĩnh vực. Với quan niệm như vậy, triết học thời cổ đại được coi là khoa học của các khoa học, bao gồm toàn bộ tri thức của nhân loại
-

d. Chức năng của triết học

- Triết học – hạt nhân vật lý luận của thế giới quan

Thế giới quan: là khái niệm chỉ hệ thống các tri thức, quan điểm, tình cảm, niềm tin, lý tưởng xác định về thế giới và về vị trí của con người trong thế giới đó

Hạt nhân lý luận của thế giới quan

- Triết học là hạt nhân của thế giới quan
 - Bản thân triết học là thế giới quan
 - Trong các thế giới quan khác như thế giới quan của các khoa học cụ thể
 - Với các thế giới quan tôn giáo, TGQ kinh nghiệm hay TGQ thông thường..., triết học bao giờ cũng có ảnh hưởng, chi phối, dù có thể không tự giác
 - Thế giới quan triết học như thế nào sẽ quy định các thế giới quan và các quan niệm khác như thế

- Triết học cung cấp phương pháp luận chung nhất

Phương pháp luận: chính là lý luận về phương pháp, bao hàm hệ thống các phương pháp và các nguyên tắc để giải quyết vấn đề đã đặt ra có hiệu quả cao nhất

2. Một số vấn đề của triết học

a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

- Chủ nghĩa duy vật cho đến nay, đã thể hiện dưới 3 hình thức cơ bản:

- Chủ nghĩa duy vật chất phát: là kết quả nhận thức của các nhà triết học duy nhất thời Cổ đại, CNDV này thừa nhận tính thứ nhất của vật chất nhưng đồng thời vật chất
- Chủ nghĩa duy vật siêu hình: là hình thức cơ bản thứ hai trong lịch sử của chủ nghĩa duy vật, thể hiện rõ ở các nhà triết học thế kỷ XV đến XVIII. CNDV

này chịu tác động mạnh mẽ của phương pháp tư duy siêu hình, cơ giới

- Chủ nghĩa duy vật biện chứng: là hình thức cơ bản thứ ba, do C.Mác

- Chủ nghĩa duy tâm chia làm 2 phái:

- Chủ nghĩa duy tâm chủ quan: thừa nhận tính thứ nhất của ý thức con người, trong khi phủ nhận sự tồn tại khách quan của hiện thực, CNDT khẳng định mọi sự vật, hiện tượng đều là phức hợp của những cảm giác

- Chủ nghĩa duy tâm khách quan: thừa nhận tính thứ nhất của ý thức, nhưng coi đó là thứ tinh thần khách quan có trước và độc lập của con người. Thực thể tinh thần khách quan này thường được gọi bằng những cái tên khác nhau

- Chú ý

- Học thuyết triết học nào thừa nhận chỉ một trong hai thực thể là bản nguyên của thế giới

- Trong lịch sử thế giới cũng có những nhà triết học giải thích thế giới bằng cả hai bản nguyên vật chất và tinh thần

- Từ trước tới nay, những quan điểm, học phái triết học rất phong phú và đa dạng

c. Thuyết có thể biết (khả chi) và thuyết có thể biết (bất khả chi)

- Khi giải quyết

- Học thuyết triết học là thuyết khả chi. Thuyết khả chi khẳng định con người về nguyên tắc có thể được bản chất của sự vật

- Học thuyết triết học phủ nhận khả năng nhận thức của con người là thuyết không thể biết. Thuyết không thể biết, theo

3. Biện chứng và siêu hình

Note

Trong triết học hiện đại, đặc biệt là triết học mác xít, biện chứng và siêu hình được dùng trước hết chỉ hai phương pháp tư duy chung nhất đối lập nhau

a. Sự đối lập giữa phương pháp tư duy

- Phương pháp siêu hình:
- Nhận thức đối tượng ở trạng thái cô lập, tách rời với đối tượng

- Nhận thức đối tượng ở trạng thái tĩnh, đồng nhất đối tượng với trạng thái tĩnh nhất thời đó. Thừa nhận sự biến đổi chỉ là sự biến đổi về số lượng

- Phương pháp biện chứng:
- Nhận thức đối tượng trong các mối liên hệ phổ biến vốn có của nó. Đối tượng và các thành phần của đối tượng luôn trong sự lệ thuộc, ảnh hưởng nhau, ràng buộc

- Nhận thức đối tượng ở trạng thái luôn luôn vận động biến đổi nằm trong khuynh hướng phổ quát là phát triển. Quá trình vận động này thay đổi cả về lượng và cả về chất

📖 Kết luận

Phương pháp biện chứng phản ánh hiện thực đúng như nó tồn tại. nhờ vật, phương pháp tư duy biện chứng trở thành công cụ hữu hiệu con người nhận thức và cải tạo thế giới và là phương pháp tối ưu của mọi khoa học

b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử

- Cùng với sự phát triển của con người, phương pháp biện chứng đã trải qua 3 giai đoạn phát triển, được thể hiện trong triết học với ba hình thức lịch sử của các nó:
 - Phép biện chứng thời Cổ đại. Các nhà biện chứng cả phương Đông, lẫn phương Tây thời cổ đại đã thấy được các sự vật, hiện tượng của vũ trụ vận động trong sự hình thành, biến hóa vô cùng, vô tận. Tuy nhiên, những gì các nhà biện chứng thời đó thấy được chỉ là trực kiến, chưa có kết quả của nghiên cứu và được thực nghiệm khoa học minh chứng
 - Phép biện chứng duy tâm. Đỉnh cao của hình thức này được thể hiện trong triết học cổ điển Đức. Biện chứng theo họ, bắt đầu từ tinh thần và kết thúc ở tinh thần. Thế giới hiện thực chỉ là sự phản ánh biện chứng của ý niệm nên phép biện chứng của các nhà triết học cổ điển Đức là biện chứng duy tâm
 - Phép biện chứng duy vật được thể hiện trong triết học do Mác và Ăngghen xây dựng, sau đó được Lênin và các nhà triết học hậu thế phát triển
 - Mác và Ăngghen đã gạt bỏ tính thần bí, tư biện của triết học cổ điển Đức, kế thừa những hạt nhân hợp lý trong phép biện chứng duy tâm để xây dựng phép biện chứng duy vật với tính cách là học thuyết về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển dưới hình thức hoàn bị nhất.

- Công lao của Mác và Ăngghen còn ở chỗ tạo được sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy tâm với phép biện chứng trong lịch sử phát triển triết học nhân loại, làm cho phép biện chứng trở thành phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật trở thành chủ nghĩa duy vật biện chứng

II. Triết học mác – lenin và vai trò của triết học mác – lenin trong đời sống xã hội

1. Sự ra đời và phát triển của triết học mác – lenin

a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học mác – lenin

- Thứ nhất là điều kiện kinh tế - xã hội
- Thứ hai, nguồn gốc lý luận và tiền đề khoa học tự nhiên
- Triết học cổ điển Đức đặc điểm những “hạt nhân hợp lý” trong triết học của 2 nhà triết học tiêu biểu
- Những phát minh lớn của khoa học tự nhiên làm bộc lộ rõ tính hạn chế và sự bất lực của phương pháp tư duy siêu hình trong việc nhận thức thế giới
- Thứ ba, nhân tố chủ quan trong sự hình thành triết học Mác

Nghiên cứu a,b,c,d

2. Đối tượng về chức năng của triết học Mác – Lênin

a. Khái niệm triết học Mác – Lênin

- Triết học Mác – Lênin là hệ thống quan điểm duy nhất biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy – thế giới quan và phương pháp biện luận

b. Đối tượng nghiên cứu của triết học Mác – Lênin

- Là giải quyết mối quan hệ giữa vật và ý thức trên lập trường duy vật biện chứng và nghiên cứu những vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy

c. Chức năng của triết học Mác – Lênin

- Chức năng thế giới quan: Triết học là hạt nhân lý luận của thế giới quan
- Chức năng phương pháp luận:
 - Phương pháp luận là lý luận về phương pháp; là hệ thống những quan điểm chỉ đạo việc tìm tòi, xây dựng, lựa chọn và vận dụng các phương pháp trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn nhằm đạt kết quả tối ưu
 - Triết học Mác - Lênin trang bị cho con người hệ thống những nguyên tắc phương pháp luận chung nhất cho hoạt động nhận thức và thực tiễn. Nó trang bị cho con

người hệ thống các khái niệm, phạm trù, quy luật làm công cụ nhận thức khoa học; giúp con người phát triển tư duy khoa học, đó là tư duy ở cấp độ phạm trù, quy luật

3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và sự nghiệp đổi mới của Việt Nam ngày nay

- Triết học Mác Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn
- Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học công nghiệp hiện đại phát triển mạnh mẽ
- Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc và sự nghiệp đổi mới xây dựng công nghiệp xã hội trên thế giới theo định hướng xã hội công nghiệp ở Việt Nam.